

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST

Ngày: 06/5/2022

V/v “tr/c hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Bá Đức

Bà Lê Thị Thu Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bùi Thị D, sinh 1968; *Trú tại:* Ấp Tân Hậu 2, xã Tân T, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

*** Bị đơn:** Bùi Thanh P, sinh 1973; Nguyễn Thị N, sinh 1976: trú tại: Ấp Tân Hòa B, xã Minh Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị D trình bày: Trước đây trong khoảng thời gian từ năm 2010 tôi có hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi gia súc với vợ chồng ông P, bà N, hai bên thỏa thuận khi nào ông P bán heo thì thanh toán tiền, thời gian bán heo khoảng 06 tháng kể từ ngày mua thức ăn. Do phía ông P không thực hiện đúng cam kết trả nợ nên đến tháng 01/2019 hai bên chấm dứt việc mua bán và tổng kết sổ thì phía ông P còn nợ tôi tổng cộng 474.733.000 đồng. Nay yêu cầu ông P, bà N liên đới trả số tiền trên cho tôi, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa anh P, chị N trình bày: Thừa nhận vợ chồng có hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi của chị D và còn nợ chị D số tiền 474.733.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày. Do chăn nuôi thua lỗ, nên chưa trả cho chị D. Nay chị D yêu

cầu đồng ý vợ chồng liên đới trả số tiền trên cho chị D nhưng xin trả dần mỗi tháng trả từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đến khi tất nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị D cho rằng quyền lợi của chị bị xâm phạm bởi hợp đồng mua bán tài sản giữa chị với vợ chồng anh P, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị D có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị D là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên xác lập giao dịch mua bán vào năm 2010, đến tháng 01/2019 do bị đơn vi phạm nghĩa vụ, nên các bên chấm dứt hợp đồng (nghĩa là quyền lợi của nguyên đơn bị xâm phạm từ tháng 01/2019. Đến ngày 10/3/2022 thì nguyên đơn khởi kiện. Căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện trong vụ án không còn. Tuy nhiên nguyên đơn vẫn có quyền khởi kiện để đòi lại giá trị tài sản đã bán cho phía bị đơn theo quy định tại điều 166 Bộ luật dân sự.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Giao dịch mua bán tài sản giữa các bên được hai bên thừa nhận có thật và phía anh P cũng thừa nhận vợ chồng anh đã vi phạm nghĩa vụ và còn nợ chị D số tiền 474.733.000 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh và việc anh P, chị N xin trả dần không được phía đại diện nguyên đơn chấp nhận, nên buộc anh P, chị N phải có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số tiền trên cho chị D là phù hợp.

[2] Do anh P, chị N vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 166, 357, 429, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 26, điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị D. Buộc anh Bùi Thanh P, chị Nguyễn Thị N liên đới trả cho chị Bùi Thị D số tiền 474.733.000 (bốn trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn)đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị D, nếu anh P, chị N chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh P, chị N liên đới chịu 22.980.000 đồng. Hoàn trả cho chị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.494.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005721 ngày 14/3/2022

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)